

Số: /TB-SKHĐT

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2020

THÔNG BÁO
Về danh mục thủ tục hành chính được thực hiện
theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Căn cứ Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có 117 thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cụ thể như sau:

ST T	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực đầu tư
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
17	Giãn tiến độ đầu tư
18	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư
19	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
20	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
21	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
22	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
23	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư
24	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư
25	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài
II	Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp
01	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn
III	Lĩnh vực kế hoạch đấu thầu
1	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
2	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất
3	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do Nhà đầu tư đề xuất
4	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất
5	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại

6	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
7	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng
8	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm
9	Xác nhận chuyên gia
IV	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân
2	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
3	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
4	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích
5	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh)
6	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân
7	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế
8	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
9	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
10	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
11	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
12	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

13	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân
14	Thông báo tạm ngừng kinh doanh
15	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo
16	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
17	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế
18	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp
19	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp
20	Đăng ký thành lập công ty hợp danh
21	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh
22	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
23	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)
24	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên
25	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên
26	Đăng ký thành lập công ty cổ phần
27	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
28	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
29	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần
30	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
31	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
32	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức.
33	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước

34	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế
35	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
36	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp
37	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác
38	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác
39	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
40	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần
41	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết
42	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
43	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
44	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
45	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động
46	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp
47	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp
48	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp
49	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp

50	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp
51	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
52	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
53	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần
54	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
55	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
56	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn
57	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng
58	Giải thể doanh nghiệp
59	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án
60	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
V	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội
1	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
2	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
3	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
4	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội
VI	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
1	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư
2	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
3	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)
4	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
VII	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)
1	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên

	hiệp hợp tác xã
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
5	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia
6	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách
7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)
9	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã
10	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
11	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã
12	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
13	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
14	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã

Trên đây là danh mục thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Các cơ quan đơn vị, doanh nghiệp
- Website Sở KHĐT;
- GD và các PGD;
- Các phòng;
- Lưu VT, VPS.

Nguyễn Công Vinh